

## ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CHI GAI ĐẦU-*Triumffeta* L. (Tiliaceae Juss.) Ở VIỆT NAM

LÊ THỊ THÚY, HÀ MINH TÂM

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

ĐỖ THỊ XUYẾN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

*Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Theo Tang Ya, Michael G. Gilbert and Laurence J. Don (2008), chi Gai đầu-*Triumffeta* L. có khoảng 100-160 loài phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới trên toàn thế giới [9]. Ở Việt Nam, chi này đã được một số tác giả ghi nhận như: F. Gagnepain (1912) [3] công bố 4 loài, nhưng cũng tác giả này năm 1945 [4] ghi nhận thêm 3 loài đưa tổng số loài của chi Gai đầu ở Việt Nam lên 7 loài nhưng về danh pháp của các loài thuộc chi này hiện nay đã có một số thay đổi. Gần đây Đỗ Thị Xuyên (2009) [10] đã đưa ra công bố chi này gồm 7 loài ở Việt Nam cùng các thông tin về mô tả các loài, khóa định loại đến loài nhưng về đặc điểm mô tả chi, tác giả đã chưa đưa ra được các thông tin chi tiết, không có hình ảnh minh họa. Cho đến nay, về đặc điểm nhận dạng của chi vẫn chưa được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra đặc điểm hình thái của chi *Triumffeta* qua đại diện các loài có ở Việt Nam.

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Triumffeta* ở Việt Nam bao gồm các mẫu khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), Trường Đại học Khoa học tự nhiên (HNU), Viện Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (ảnh chụp) (SBCI),... và các mẫu tươi thu được trong các chuyến điều tra thực địa.

#### 2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay. Phương pháp này dựa vào đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để nghiên cứu, trong đó chủ yếu dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản, vì nó ít biến đổi và ít phụ thuộc vào điều kiện môi trường bên ngoài. Đối với chi Gai đầu (*Triumffeta*), các đặc điểm được coi là quan trọng trong quá trình nghiên cứu được chú trọng như đặc điểm của dạng thân và lá, số lượng nhị, kiểu lông trên quả,...

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chi Gai đầu (*Triumffeta*) thuộc họ Đay (Tiliaceae). Ở Việt Nam, chi này có các đặc điểm hình thái rất gần với chi Đay (*Corchorus*) vì cùng mang đặc điểm thân dạng cỏ hay nửa bụi nhưng điểm khác biệt rõ rệt là *Triumffeta* có trụ nhị nhụy ngắn, quả nang có lông cứng hay gai cứng khác hẳn với *Corchorus* không có trụ nhị nhụy và quả nang nhẵn.

Hiện nay chi Gai đầu ghi nhận có 7 loài là Đay ké nhẵn (*Triumffeta annua*), Gai đầu răng to (*T. grandidens*), Gai đầu vàng (*T. pilosa*), Gai đầu lông (*T. pseudocana*), Gai đầu bò (*T. repens*), Gai đầu hình thoi (*T. rhomboidea*), Gai đầu lá tròn (*T. rotundifolia*). Các loài thường ưa sáng, phân bố rộng từ miền Bắc đến khu vực Tây Nguyên hay vào tận miền Nam (*T. annua*, *T. pilosa*, *T. pseudocana*, *T. gradidens*, *T. rhomboidea*) trong đó *T. rhomboidea* là có độ gặp nhiều nhất. Các loài *T. repens* và *T. rotundifolia* là loài phân bố hẹp và rất hiếm gặp. *T. repens* chỉ có ở đảo Phú Quốc (Kiên Giang) và *T. rotundifolia* chỉ mới ghi nhận có ở 3 tỉnh là Lạng Sơn, Phú Thọ và Bà Rịa-Vũng Tàu.

### **Triumffeta L.-GAI ĐẦU**

L. 1753. Sp. Pl. 144; Gagnep. 1911. Fl. Gen. Indoch. 1: 551; id. 1945. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 468; T. S. Liu & H. C. Lo, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 732; C. Phengklai, 1993. Fl. Thailand, 6 (1): 44; T. Ya, M. G. Gilbert & L. J. Dorr, 2008. Fl. China, 2: 258.

- *Bartramia* L. 1753. Sp. Pl. 1: 389.

**Dạng sống:** Thân cỏ 1 năm (*T. annua*) hay nhiều năm (*T. repens*), đứng hay bò (*T. repens*) hoặc thân nửa bụi (*T. pilosa*, *T. rhombodea*), cả cây thường có lông đơn hay lông hình sao (*T. pilosa*, *T. rotundifolia*), có khi gặp thân gần như nhẵn (*T. grandidens*), có rễ ra từ các mắt mọc lá (*T. repens*) hay không (*T. grandidens*).

**Lá:** Đơn, thường mọc cách, nhiều khi gần như xếp xoắn trên thân; nguyên (*T. annua*, *T. pilosa*, *T. pseudocana*, *T. rotundifolia*) hay phân 3-5 thùy chân vịt (*T. grandidens*, *T. repens*, *T. rhomboidea*), đôi khi cùng cây có cả hai dạng lá, lá phía dưới của thân chia 3-5 thùy, lá phía trên nguyên (*T. grandidens*); hình gần tròn (*T. rotundifolia*), thuôn hình mũi giáo (*T. grandidens*) hay trứng (*T. annua*, *T. pilosa*, *T. pseudocana*, *T. rhomboidea*); chóp lá thường nhọn (*T. pilosa*, *T. annua*); gốc lá tròn hay tù; mép lá luôn có răng cưa; gân gốc 3-5, thường nổi rõ ở mặt dưới, gân bên thường 2-5 cặp; hai mặt nhẵn (*T. repens*), chỉ có lông trên gân (*T. grandidens*) hay cả có lông hai mặt (*T. pilosa*, *T. rhomboidea*) hay một mặt (*T. pseudocana*, *T. rotundifolia*).

**Lá kèm:** 2 cái ở mỗi lá, thường nhỏ, hình chỉ, sớm rụng.

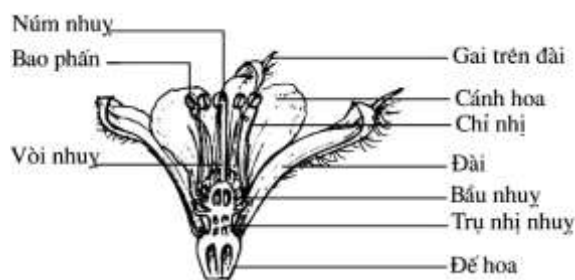
**Cụm hoa và hoa:** Hình xim, ở nách lá hay đỉnh cành, cuống cụm hoa rất ngắn, số lượng hoa trên cụm hoa thay đổi từ vài hoa đến nhiều hoa. Hoa: Lưỡng tính, màu vàng hay da cam. Lá bắc hoa thường rất hẹp. Nụ hình thuôn dài. Bao hoa mẫu 5.

**Lá đài:** 5, rời nhau, mặt ngoài có lông, mặt trong nhẵn, mép đài phía đỉnh thường uốn cong vào, có 1 gai nhọn ở đỉnh.

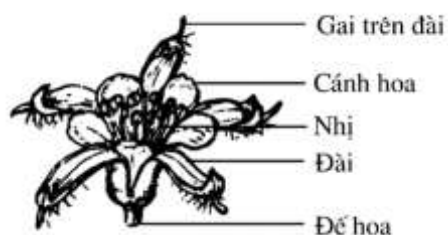
**Cánh hoa:** 5, khi non dính nhau một phần ở gốc, khi già rời nhau hoàn toàn, hình thuôn (*T. annua*), trứng ngược (*T. pseudocana*, *T. grandidens*, *T. rotundifolia*) hay hình thìa (*T. rhomboidea*), luôn luôn ngắn hơn đài, thường nhẵn, nhưng có lông ở gốc (*T. rhomboidea*).

**Trụ nhị nhụy:** Tồn tại, thường nạc, rất ngắn.

**Bộ nhị:** Nhiều, chỉ nhị rời nhau, mảnh, nhẵn, số lượng nhị thay đổi có thể là 10 (*T. pilosa*, *T. annua*, *T. grandidens*, *T. pseudocana*, *T. rhomboidea*) hay lớn hơn 15 (*T. repen*, *rotundifolia*); bao phấn dính lưng, gần hình cầu, mở theo một đường nứt dọc. Nhị lép không có.

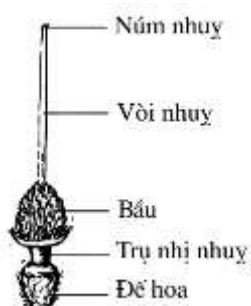


Hình 1. Hoa bổ dọc



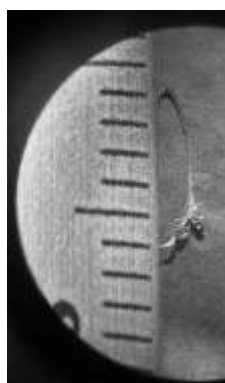
Hình 2. Hoa nhìn từ trên xuống

**Bộ nhụy:** Bầu trên, thường 3-5 ô, mỗi ô 2 noãn. Vòi nhụy mảnh, nguyên. Núm nhụy có rãnh tạo 3-5 thùy.

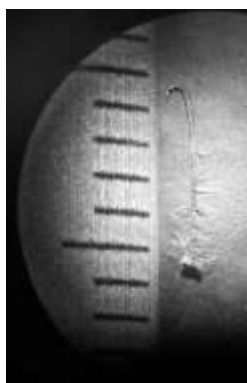


Hình 3. Đài hoa với gai ở đỉnh Hình 4. Cấu tạo bộ nhụy Hình 5. Quả với gai cong như móc

**Quả và hạt:** Quả nang mở bằng van (*T. pilosa*, *T. annua*) hay không mở (*T. grandiden*, *T. pseudocana*, *T. repen*, *T. rhomboidea*), không có cánh, không phân thùy, thường hình cầu, ít khi hình bầu dục, trứng, thường có gai và lông hay có gai nhưng không lông (*T. annua*, *T. repens*). Gai có lông dày (*T. repen*, *T. grandiden*, *T. pilosa*, *T. pseudocana*) hay gần như không lông (*T. annua*, *T. rotundifolia*, *T. rhomboidea*); gai cong như móc (*T. pilosa*) hay gai thẳng (*T. repens*), hay thẳng khi non và cong khi già (*T. pseudocana*). Hạt nhỏ, gần hình trứng hay hình thận, màu đen. Gai là đặc điểm quan trọng trong việc nhận dạng các loài. Sau đây là đặc điểm một số dạng gai trên quả.



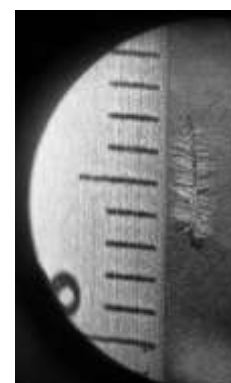
Hình 6. Gai móc (*T. annua*)



Hình 7. Gai móc (*T. pilosa*)



Hình 8. Gai móc (*T. rhomboidea*)



Hình 9. Gai thẳng (*T. pseudocana*)

### III. KẾT LUẬN

Chi Gai đầu (*Triumffeta*) rất gần với chi Đay (*Corchorus*) vì cùng mang đặc điểm thân dạng cỏ hay nửa bụi nhưng điểm khác biệt rõ rệt là *Triumffeta* có trụ nhị nhụy ngắn, quả nang có lông cứng hay gai cứng khác hẳn với *Corchorus* không có trụ nhị nhụy và quả nang nhẵn, ở Việt Nam hiện biết có 7 loài, phân bố rải rác khắp cả nước. Trong đó có hai loài phân bố hẹp và hiếm gặp là *T. repens* và *T. rotundifolia*.

Chúng tôi đã tiến hành xây dựng bản mô tả đặc điểm nhận biết chi Gai đầu (*Triumffeta*) qua các đại diện có ở Việt Nam. Theo đó những đặc điểm cơ bản nhận dạng chúng là thân cỏ hay nửa bụi, lá đơn, mọc cách, có lá kèm, hoa lưỡng tính, bao hoa mẫu 5, đài có một gai nhọn ở đỉnh, nhị nhiều, rời nhau, có trụ nhị nhụy ngắn, bầu trên, quả nang có lông cứng hay gai cứng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Backer C. A., C. R. Bakhuizen**, 1963. Flora of Java. The Netherland, vol. 1: 181-185.
2. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 421-422.
3. **Gagnepain F.**, 1912. Flora général de L'Indo-chine. Paris, tome 1: 523-563.
4. **Gagnepain F.**, 1945. Supplément a la flora général de L'Indo-chine. Paris, tome 1: 440-475.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, quyển 1: 477-491.
6. **Huang T. C.**, 1996. Flora of Taiwan. Taipei, Taiwan, vol. 2: 732-743.
7. **Lecomte H.**, 1909. Notulae Systematicae. Paris, vol. 1: 170-174.
8. **Phengkai C.**, 1993. Flora of Thailand. Bangkok, Thailand, vol. 6 (1): 10-80.
9. **Tang Ya, Michael G. Gilbert, Laurence J. Don**, 2008. Flora of China. USA, vol. 12: 240-263.
10. **Đỗ Thị Xuyên**, 2009. Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 8 Gai đầu (*Tiliaceae* Juss.) ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, trang 432-439.

### THE MORPHOLOGY OF GENUS-*Triumffeta* L. (*Tiliaceae* Juss.) IN VIET NAM

LE THI THUY, HA MINH TAM, DO THI XUYEN

#### SUMMARY

According to Tang Ya, Michael G. Gilbert and Laurence J. Don (2008), the genus *Triumffeta* L. has about 150-160 species in the tropical regions of the world. They close to *Corchorus* in herbs or subshrubs but differ as have gonophore and capsular with spines or pilose. There are seven *Triumffeta* species occur in Vietnam (*Triumffeta annua*, *T. grandidens*, *T. pilosa*, *T. pseudocana*, *T. repens*, *T. rhomboidea*, *T. rotundifolia*). Among them 2 species're rare (*T. repens* and *T. rotundifolia*).

In the article, the morphology of the genus has been constructed. They have prominent characteristic as erect or procumbent herbs or subshrubs. Leaves simple, alternate, flowers bisexual, gonophore short, sepals and petals usually 5, sepal usually with apical appendages, stamens numerous, filament free, filaments free, ovary surper, capsular with spines or pilose.